

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

====000====

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2019

"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Khắc Hải**.

- ***Các hội thẩm nhân dân:*** 1, Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

2, Bà **Nguyễn Bích Liên**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Hà Ngân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà **Trịnh Thị Oanh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 502/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/QĐXX - ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh 1985;

HKTT: Thôn Đ, xã PM, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: PC, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh 1985;

HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã PM, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/08/2018 và các lời khai tiếp theo, chị Trịnh Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 29/10/2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PM. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung với nhau tại nhà chồng một thời gian ngắn rồi chuyển ra sống riêng gần đó ở thôn Đ- xã PM - huyện Sóc Sơn- T/p Hà Nội để sinh sống làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng gần 06 năm thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thay đổi tính tình, thường xuyên chơi bời, nghiện ngập và nhiều lần nghi ngờ, ghen tuông vô cớ. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh không thay đổi mà còn chửi bới đả đập chị, vợ chồng không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, tháng 7/2018 trong một lần vợ chồng anh chị cãi nhau, anh T khóa cửa cấm chị đi làm và phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp để hòa giải. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh T có lên nhà chị để bảo chị về nhưng chị không đồng ý nên anh chị đã xảy ra xô xát. Mặc dù, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn của anh chị không thể hòa giải được, chị đã mất niềm tin và không hi vọng gì về việc anh T có thể thay đổi tính nết. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, bản thân anh T cũng không còn tình cảm yêu thương đúng mực với chị nên chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, làm ăn và nuôi con.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Trần BA, sinh ngày 16/10/2008. Hiện cả hai cháu đều ở cùng với bố và được ông bà nội chăm sóc. Nguyên vọng của chị và cũng là nguyện vọng của các cháu là giao cháu A cho chị và giao cháu BA cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản thân chị hiện nay chị đang lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng, chị sống cùng với bố mẹ đẻ, ông bà cũng tạo mọi điều kiện về chỗ ăn ở để chị sinh sống, làm ăn và nuôi con. Theo chị biết, anh T hiện cũng đang làm thuê ở gần nhà và được ông bà nội hết sức giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu.

Về tài sản: Chị khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức công nợ: Chị khai không có và cũng không yêu cầu giải quyết.

Về đất ở và đất canh tác: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn T:

Mặc dù, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các thông báo thụ lý, mở phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải nh- ng anh T không đến Tòa làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- **Về tình cảm chung:** Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H đối với anh Trần Văn T.

- **Về con chung:** Giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc A; giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Trần BA. Hai bên tự đảm nhiệm việc nuôi con.

- **Về tài sản chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn đối với anh Trần Văn T - sinh năm 1985, trú tại Thôn Đ - PM - Sóc Sơn- Hà Nội, ngoài ra chị còn yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung, chị là người có quyền khởi kiện theo điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Việc Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh anh T thường xuyên vắng nhà đi từ sáng sớm đến tối mới về. Toà án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các thủ tục tố tụng đối với anh T. Tuy nhiên, anh chống đối không đến Toà án làm việc, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 14/01/2019, anh T đã vắng mặt, không có lý do chính đáng. Phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, HĐXX xét thấy việc tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về tình cảm:** Chị Trịnh Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện Sóc Sơn, T/p Hà Nội ngày 29/10/2004, vào sổ Đăng ký kết hôn số 80/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của chị Hà cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau và ở tại nhà chồng một thời gian thì ra ở riêng. Quá trình chung sống hạnh phúc đ-ợc khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự hoà hợp trong cuộc sống, vợ chồng th-ờng xuyên xảy ra cãi vã do ghen tuông, sống thiếu tôn trọng nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không hoà giải đ-ợc, anh Tấn nóng nảy cục tính đánh chửi, cấm vợ ra khỏi nhà. Không chỉ vậy, sau khi chị Hà bỏ về nhà mẹ đẻ, anh Tấn có tới khuyên nhủ chị Hà về không đ-ợc nên đã có những hành động không đúng mực tr-ớc mặt bố mẹ chị ,dẫn đến tình cảm của anh chị ngày càng xa cách. Quá trình giải quyết, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh chị tới làm việc nhằm hoà giải động viên, đồng thời tạo điều kiện cho anh chị có thời gian để hàn gắn hạnh phúc nh- ng anh T không hợp tác, không có mặt tại tất cả các buổi làm việc, cũng không có lời khai trình bày quan điểm cho thấy anh chị xác định hết tình cảm nên không thể đoàn tụ, chị Hà c-ong quyết ly hôn và đề nghị giải quyết dứt điểm việc ly hôn giữa anh chị để ổn định cuộc sống. Để có căn cứ xác định mâu thuẫn của vợ chồng, Toà án đã ghi lời khai cũng nh- ý kiến của đại diện gia đình anh Tấn là bà Lê Thị K - mẹ đẻ của anh Tấn về quá trình kết hôn, chung sống và diễn biến mâu thuẫn của vợ chồng cũng nh- đánh giá chung về tình trạng hôn nhân của anh chị. Bà K cung cấp và xác định anh chị khó có thể hàn gắn đ-ợc do bà đã nhiều lần khuyên nhủ anh chị và gọi chị Hà về để gia đình đoàn tụ, chăm lo cho các cháu nh- ng do không hoà hợp đ-ợc về tính cách và lối sống nên chị Hà c-ong quyết không đồng ý. Bà K xác định quyền ly hôn là của các con, do anh chị tự quyết định.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu do anh T đã từng nghiện ngập, vợ chồng không hòa thuận do ghen tuông dẫn đến việc vợ chồng đA chửi nhau. Vợ chồng chung sống không còn tình cảm, không quan tâm và có nhiều hành vi không đúng mực, không tôn trọng lẫn nhau. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tháng 7/2018, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở PC, xã PL để sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Hai bên gia đình cũng không còn qua lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, đời sống chung không thể kéo dài. Bản thân chị H c-ong quyết xin ly hôn, anh T thì không có thiện trí hàn gắn tình cảm với vợ. Do vậy, xét thấy việc chấp nhận yêu cầu của chị Hà cho chị đ-ợc ly hôn với anh Tấn là phù hợp để anh chị ổn định cuộc sống nh- mong muốn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015.

-Về con chung: Xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Trần BA, sinh ngày 16/10/2008. Hiện cả hai cháu đang do anh Tấn cùng ông bà nội nuôi d-ỡng, chăm sóc. Nguyên vọng của chị H là đ-ợc nuôi cháu A và giao cháu BA cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc; các bên tự đảm nhiệm việc nuôi con, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng.

Việc nuôi d-ỡng, chăm sóc con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, xét về điều kiện thì hai anh chị đều là lao động tự do tại địa phương có thu nhập bình quân

khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng) và có đầy đủ các điều kiện về nơi ở để làm ăn và nuôi con. Để đảm bảo công bằng về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, thấy giao cho anh chị mỗi ng- ời nuôi một cháu là phù hợp với khả năng và điều kiện của các bên. Xét thấy cháu Trần Thị Ngọc A có nguyện vọng đ- ọc ở với mẹ, còn cháu Trần Bảo Anh có nguyện vọng ở với bố, các cháu đều đã lớn và có thể tự sinh hoạt cá nhân nên cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu; giao cháu A cho chị H và giao cháu Bảo Anh cho anh T nuôi d- ỡng. Việc giao con nh- trên là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2015.

Đối với vấn đề cấp d- ỡng nuôi con: Do các đ- ơng sự không có yêu cầu giải quyết và việc giao con cho anh chị mỗi ng- ời nuôi một cháu là phù hợp với điều kiện thu nhập của cả hai bên nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này và không buộc bên nào phải cấp d- ỡng nuôi con cho nhau. Sau này, nếu các đ- ơng sự có yêu cầu về việc thay đổi nuôi con cũng nh- yêu cầu cấp d- ỡng sẽ đ- ọc giải quyết bằng một vụ án khác.

Sau khi ly hôn, cả chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai đ- ọc cản trở.

Trong quá trình điều tra anh chị không yêu cầu giải quyết về tài sản cũng nh- nợ chung, công sức đóng góp, đất ở và đất canh tác. Tại phiên tòa hôm nay, chị H cũng không có thay đổi bổ sung gì nên Tòa án ghi nhận và không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ Điều 147, 220, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị H. Cho chị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Trần BA, sinh ngày 16/10/2008.

Giao cho chị H nuôi con chung là cháu Trần Thị Ngọc A; Giao cho anh Trần Văn Tấn nuôi cháu Trần BA.

Về cấp d- ỡng cho con: Các đ- ơng sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau này các đ- ơng sự có yêu cầu sẽ đ- ọc giải quyết bằng vụ án khác.

Chị H, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai đ-ợc cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp , đất ở và đất nông nghiệp : Các đ-ơng sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này đ-ợc trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, biên lai số AC/2015/0001397 ngày 05/10/2018.

□n xử công khai, sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo lên Toà án Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND T/p Hà Nội
- VKSND. huyện Sóc Sơn
- THA huyện Sóc Sơn
- Các đ-ơng sự.
- L- u: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Hải

